

ĐỀN CẢ XÃ HOA THÀNH

I. TÊN GỌI DI TÍCH: Đền Cả

Đền Cả là tên gọi của một ngôi đền có công trình kiến trúc tương đối to, linh thiêng, đứng đầu trong các đền, miếu ở xã Tràng Thành dưới thời phong kiến.

Tên cũ: Miếu làng Đông – tên gọi theo địa danh của người Tràng Thành dưới thời Tây Sơn.



Đền Cả có nhiều hạng mục như tam quan, nghi môn, tả vu, hữu vu, bài đường, thượng điện. Trong đó nghi môn là công trình độc đáo nhất.

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN DI TÍCH

1. Địa điểm phân bố

Đền Cả nằm ở vị trí trung tâm của làng Tràng Thành xưa. Nay thuộc xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Vị trí xây dựng – tồn tại của đền Cả và một số công trình khác như đình Bảo Lâm, chùa Bảo Lâm, nhà Thánh... không thay đổi. Chỉ có địa danh tên làng, xã có một số lần thay đổi yêu cầu quản lý hành chính của nhà nước phong kiến qua các thời kỳ lịch sử khác nhau.

Hoa Thành là vùng đất cổ, trước có tên gọi là Lùm Hoa, Hoa Lâm, về sau đổi tên là ấp Tiên Nha. Ấp Tiên Nha có hai vùng đất, vùng trên gọi là vùng Thượng Thành và vùng dưới là Hạ Thành. Hạ Thành là tên gọi gắn với thành cổ thời Tiền Lê.

Thời Tây Sơn gọi là tổng Quan Triều, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Tràng Thành có 6 làng: Nam, Đông, Đoài, Tân Mỹ, Dinh Thi, Thạch Châu. Đền Cả thường gọi là miếu làng Đông.

Thời Nguyễn, vào năm 1890, dưới triều vua Thành Thái đến tháng 8 năm 1945, làng Hạ Thành đổi tên thành làng Tràng Thành (có tài liệu chép là Trường Thành), thuộc tổng Quan Trung. Năm 1946, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước có chủ trương chia tách, sáp nhập một số địa danh hành chính ở các tỉnh. Ở xã Tràng Thành các làng, thôn cũ được đổi thành thôn mang tên đồng chí Phan Đăng Lưu, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Chu Trạc...

Cuối năm 1948 đến đầu năm 1949, xã Tràng Thành sáp nhập với các xã Công Trung, An Vinh thành xã Yên Trung.

Cuối năm 1953, huyện Yên Thành từ 12 xã chia thành 32 xã. Yên Trung được đổi thành xã Hoa Thành và tên này tồn tại cho đến ngày nay.

2. Đường đi đến

Đền Cả xã Hoa Thành, cách thành phố Vinh 44 km về phía Bắc tỉnh Nghệ An. Du khách ở xa đến thăm đền có thể đi bằng các phương tiện giao thông khác nhau như ô tô, tàu hoả, xe máy, xe đạp...

Đường thứ nhất: Nếu du khách từ Hà Nội vào Vinh theo đường Quốc lộ 1A, khi đến ngã 3 Cầu Bùng của huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, chúng ta rẽ tay phải theo đường tỉnh lộ 38 đi 11 km về phía Tây, đến huyện Yên Thành. Khi nhìn thấy biển báo dừng đón khách đi ô tô buýt tuyến Diễn Châu- Yên Thành ở bên phải đường (bên trái là công làng văn hoá xóm 3, xã Hoa Thành), du khách dừng xe, rẽ trái, đi bộ khoảng 200m là đến di tích.

Đường thứ hai: Nếu du khách đi từ Vinh ra Hà Nội, khi đến ngã 3 Cầu Bùng của huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, chúng ta dừng xe, rẽ tay trái, đi theo chỉ dẫn nói trên là đến được di tích.

III. PHÂN LOẠI DI TÍCH

Đền Cả xã Hoa Thành thuộc loại hình di tích lịch sử

IV. NHÂN VẬT LỊCH SỬ, SỰ KIỆN, ĐẶC ĐIỂM CỦA DI TÍCH

1. Nhân vật lịch sử

Đền Cả là công trình kiến trúc cổ do nhà nước- nhân dân lập nên để thờ Cao Sơn, Cao Các, Lý Nhật Quang và phối thờ công chúa Bạch Y, Phan Cảnh Quang - là các vị phúc thần có công “bảo quốc hộ dân”.

a. Cao Sơn, Cao Các

Cao Sơn, Cao Các là những vị thần được thờ khá phổ biến ở các làng quê Việt Nam.

* *Cao Sơn:*

Theo sách “*Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*” của PGS. Ninh Viết Giao (NXB Sở VH TT năm 2000) và một số tư liệu lưu ở địa phương, Thần Cao Sơn tên thật là Cao Hiến, tự là Vân Trường. Ông quê Bảo Sơn, Trung Quốc. Cao Hiến là người thông minh, chính trực, học rộng hiểu sâu, tài kiêm văn võ. Năm 29 tuổi thi đậu Tiến Sĩ dưới triều vua Hy Tông nhà Tống. Làm quan đến chức thượng thư. Lúc bấy giờ, ở một số vùng biên cương của Trung Quốc có nhiều kẻ phản loạn quấy phá. Cao Hiến được vua Tống nhiều lần cử đi chinh phạt. Với tài thao lược của mình Cao Hiến nhanh chóng dẹp được bọn giặc, giữ yên biên giới để nhân dân yên ổn làm ăn. Cao Hiến được nhân dân kính trọng, triều đình tấn phong cho ông làm Đại thừa tướng.

Ở nước Đại Việt lúc bấy giờ, Lý Công Uẩn, tức Lý Thái Tổ lên ngôi vua, lập ra triều Lý (1005-1225). Để củng cố chế độ phong kiến trung ương tập quyền, một mặt Lý Thái Tổ cho tăng cường quân đội, củng cố đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế, mở mang văn hóa, mặt khác ông cho ráo riết chuẩn bị lực lượng sẵn sàng đối phó họa xâm lăng từ phương Bắc và phương Nam.

Về ngoại giao, nhà Lý chủ trương giữ mối hoà hiếu đối với các nước láng giềng, đặc biệt đối với nhà Tống, Lý Thái Tổ đã thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo nhưng rất kiên quyết để bảo vệ tổ quốc.

Để thực hiện âm mưu bành trướng, nhằm khuất phục nước ta, nhà Tống cử Cao Hiến sang làm tuyên phó sứ An Nam. Trong những năm làm sứ thần ở An Nam, Cao Hiến thấy rõ những khó khăn của một quốc gia mới tự trị khi nền chính trị chưa ổn định, kinh tế bị tàn phá vì gặp phải thiên tai, dịch bệnh, đời sống nhân dân hết sức khổ cực. Thông cảm với hoàn cảnh của An Nam, Cao Hiến một mặt xin vua Tống giảm bớt các khoản triều cống, mặt khác ông tích cực tìm biện pháp giúp triều đình và nhân dân An Nam tìm cách diệt trừ bệnh dịch để ổn định đất nước. Nhờ đó cuộc sống nhân dân dần dần được khấm khá hơn.

Là sứ thần nước lớn, nhưng Cao Hiến không có thái độ ngạo mạn, hách dịch như các sứ thần khác mà ông là một lương quan có lòng khoan dung, đức độ, biết chăm lo cuộc sống của nhân dân và xây dựng mối quan hệ hoà bình giữa hai nước. Chính nhờ tấm lòng nhân ái của ông mà nước ta và Trung Quốc đã tránh được chiến tranh, nhân dân có điều kiện sống trong hoà bình để phát triển sản xuất, củng cố quốc phòng, giữ vững chủ quyền đất nước. Triều đình nhân dân hai nước đều biết ơn Cao Hiến. Khi tuổi cao sức yếu, Cao Hiến xin thôi chức sứ thần An Nam, trở về quê nghỉ ngơi và mất ở Trung Quốc. Tưởng nhớ công lao của ông, vua Tống phong cho ông làm An Nam quốc vương và giao cho nhân dân An Nam lập đền thờ ngài.

* *Cao Các:*

Vào thế kỷ thứ X, sau khi Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân chống quân Nam Hán thắng lợi, giành được chủ quyền, độc lập cho đất nước. Ngô Vương đã thực hiện nhiều chính sách tiến bộ để phát triển kinh tế, ổn định chính trị, củng cố quốc phòng... Nhà nước phong kiến do Ngô Quyền thành lập đã mang lại niềm hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam.

Khi Ngô Quyền mất, loạn 12 sứ quân nổi lên. Cuộc tranh giành quyền lực đã làm đất nước bị chia cắt, nhân dân vô cùng thống khổ. Đinh Bộ Lĩnh một trong 12 sứ quân, bằng tài đức của mình đã dẹp loạn cát cứ, thống nhất đất nước, lập ra nhà Đinh và đóng đô ở Hoa Lư. Một trong những vị tướng có công lớn đã giúp Đinh Tiên Hoàng sáng lập củng cố nhà Đinh là Cao Các.

Theo Ngọc Phả Đại Vương tôn vị Trung Thần triều đình, Cao Các quê gốc ở Châu ái, làng Cao Xá, huyện Thọ Xuân. Bố ông là Cao Trạch, làm thầy đồ, người hiền lành phúc hậu lấy bà Lê Thị Diễm, lâu ngày không có con. Một đêm, bà Diễm nằm mộng gặp một cụ già râu tóc bạc phơ, hai tay ẵm một đứa bé trao cho mình và nói với ông Trạch rằng: Nhà ngươi có thiện tâm nên trời đã thấu hiểu, sai ta đem cho một đứa con ngoan. Từ đó bà Diễm mang thai, vào ngày

6/1/938 sinh được cậu bé khôi ngô, mặt rộng, tai to. Ông Trạch rất mừng và đặt tên cho con là Cao Các. Lớn lên Cao Các học giỏi, thông minh, tài trí, dung mạo hơn người. Người đời đều gọi ông là “thần đồng”. Thấy nhân dân khổ cực vì chiến tranh nên ông quyết chí tu luyện văn võ rồi bỏ làng đi tìm minh chúa để mong giúp nước cứu đời. Đinh Bộ Lĩnh thấy ông tư chất thông minh, hỏi về học vấn, văn võ, Cao Các đều đáp trôi chảy nên phong ông làm Giám Nghị Đại Phu, giao cho 5 vạn binh lính phò giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn. Bằng sức mạnh của tuổi thanh xuân và mưu lược như thần, Cao Các đã cùng các tướng sỹ bày binh bố trận, lần lượt giúp Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp, thu phục các sứ quân.

Khi Đinh Bộ Lĩnh về Hoa Lư xây dựng kinh đô xưng Đại thắng Đinh Hoàng Đế, cảm phục công lao của Cao Các, nhà vua đã thăng chức, ban cho Cao Các thực ấp ở huyện An Ninh. Thấy vùng này non nước hữu tình, nhân dân sống trọng đạo nghĩa, Cao Các bèn xuất lương thực, tiền của, giao cho quân sỹ cùng với nhân dân lập điền trang, doanh trại để củng cố cuộc sống và sẵn sàng đánh giặc, bảo vệ tổ quốc. ở đây, ông sống giản dị, hoà mình với mọi người và làm được nhiều việc tốt cho dân. Cao Các khuyến khích nghề nông, chăm lo thủy lợi, khai hoang, mở rộng giao lưu buôn bán để nhân dân ổn định cuộc sống, gặp những trường hợp khó khăn, hoạn nạn, ông thường bỏ tiền, cấp gạo, hết lòng ra tay giúp đỡ.

Ở phương Nam, khi nước Chiêm Thành hưng thịnh, vua Chiêm là Xạ Đẩu đem quân uy hiếp phía Nam nước Đại Việt. Vua Đinh triệu Cao Các về triều giao 5 vạn binh lính, ấn kiếm đi đánh giặc. Với tài thao lược của mình, Cao Các đã cùng tướng sỹ xông pha đánh thắng quân giặc nhiều trận, bắt sống hàng ngàn tù binh. Quân Chiêm đại bại, phải trốn về nước. Khâm phục tài năng, đức độ của Cao Các, Đinh Tiên Hoàng phong thưởng rất hậu và muốn lưu ông lại triều đình nhưng Cao Các xin được về sống ở An Ninh. Ở đây, ông lâm bệnh, mất đột ngột, nhà Đinh vô cùng thương tiếc, cho lập miếu thờ ở An Ninh và quê hương. Đền thờ của Ông rất thiêng. Đến thời Lý Thái Tổ, thấy Cao Các là bậc trung thần, nghĩa liệt, nhà vua đã phong tặng Mỹ Tự Đại Vương. Các triều Vua về sau phong sắc cho Ngài là Thượng Thượng đẳng tối linh Tôn Thần.

Vào thời Cảnh Hưng có nạn Hồng Thủy, nước lụt dâng to, đồng ruộng bị ngâm lâu, nảy sinh nạn sâu keo phá hoại mùa màng, nhà vua cho lập đàn cầu đảo và được thần Cao Sơn - Cao Các hiển linh phù hộ. Nhân dân kính trọng, lập đền thờ của hai ông ở nhiều nơi.

Làng Tràng Thành là vùng đất cổ, nhân dân sống bằng nghề nông nghiệp, thủ công. Nhiều năm thường bị thiên tai, lũ lụt, sâu keo, thú dữ làm cho mùa màng thất bát, đời sống khó khăn. Cảm phục uy linh của Cao Sơn, Cao Các, chính quyền và nhân dân Tràng Thành đã lập đền Cả (chính miếu làng Đông), tôn Ngài làm thành hoàng để mong các thần phù hộ cho cuộc sống của dân chúng ở địa phương. Đền thờ Cao Sơn Cao Các rất linh thiêng nên được vua Cảnh Thịnh sắc phong là “Cao Sơn Cao Các hiển ứng Khuông quốc Dực thánh Phù vận Gia khánh Hách thanh Trạch linh Tài biện Túy tinh Tuấn vọng đại vương”. Các triều vua Vĩnh Khánh, Thiệu Trị, Tự Đức, Duy Tân đều có các sắc phong tôn vinh Cao Sơn, Cao Các là Thượng đẳng thần.

b. Lý Nhật Quang

Uy Minh vương Lý Nhật Quang là con trai thứ 8 của vua Lý Thái Tổ. Từ nhỏ ụng đó là một người thông minh, lớn lên được rèn dạy nghiêm túc ở hoàng cung nên Lý Nhật Quang đã trở thành vị hoàng tử, văn võ toàn tài, giàu lòng yêu nước, thương dân.

Năm 1039, Lý Nhật Quang được nhà vua cử vào trông coi việc tô thuế tại Nghệ An. Thời đó, Nghệ An là một vùng đất biên viễn, trọng yếu của Đại Việt đang gặp muôn vàn khó khăn. Khi được triều đình giao cho trọng trách đó, Lý Nhật Quang đó dày công tìm hiểu về chính trị, kinh tế, quân sự để từ đó đề xuất nhiều giải pháp sáng suốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhà vua rất hài lòng đã ban cho ông hiệu “*Uy Minh Thái Tử*”.

Tháng 10 năm Tân Tỵ (1041) vua Lý Thái Tông xuống chiếu cử ông làm Tri châu Nghệ An với tước phong là “Uy Minh hầu”. Năm 1044, do làm việc mẫn cán, có nhiều công hiến với nước nhà nên ông được gia phong tước “Uy Minh Vương”. Nhậm trị vùng đất khó khăn và bất ổn, Lý Nhật Quang đó thực hiện nhiều kế sách để ổn định tình hình.

Về chính trị: Để củng cố, phát triển Nghệ An lâu dài, với nhãn quan sáng suốt, Uy Minh vương Lý Nhật Quang đã chọn vùng đất Bạch Ngọc để làm phủ lỵ Nghệ An (Bạch Ngọc nay gồm 3 xã: Ngọc Sơn, Lam Sơn, Bôi Sơn - huyện Đô Lương). Vào thời đó, Bạch Ngọc là một vùng đất trung tâm, công thủ đều thuận lợi.

Bạch Ngọc là vùng rừng núi khá hiểm trở, nằm ở tả ngạn sông Lam, là ranh giới giữa 2 miền trung du và đồng bằng. Từ đây có thể xuôi theo đường thủy ra biển Đông, lên Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, Quế Phong, sang Lào hoặc ra Thanh Hóa. Trấn giữ vùng Bạch Ngọc có thể kiểm soát được cả vùng thượng du và đồng bằng. Chưa biết đích xác thời gian Lý Nhật Quang xây dựng bản doanh, nhưng qua tài liệu thư tịch, truyền thuyết, các địa danh ở vùng Bạch Ngọc ngày nay vẫn còn lưu lại nhiều dấu tích. Phía trước mặt lỵ sở là sông Lam, bên tả là Bàu nước sâu (Đông Bàu), thông với con hói có hai bờ tre ken dày ở hai bên. Từ lũy tre đi tiếp ra phía Bắc là lũy đất dày (dân địa phương thường gọi đây là Cửa Lũy). Cách đó không xa là xứ Nương Cộ (tức vườn cũ) của dân làng Miếu Đường. Ở đây có Cồn Nông (cồn đất làm lễ tế Thần Nông), các đồi núi thấp như: Cồn Đồn, Cồn Đình, Cồn Khách (nơi đón khách xa trước khi nghênh tiếp vào bản doanh). Vượt qua núi Quả Sơn (địa phận làng Nhân Bôi) là trại bạc, trại vàng, vườn nhà trũ... đây là nơi tích trữ hậu cần, tài sản quý giá, là nơi nghỉ ngơi giải trí của Lý Tri châu và các vị phò tá. Từ Bạch Ngọc nhìn về phía Tây (thuộc địa phận làng Nhân Trung) còn có một tên đất gọi là Lũ Rón. Có lẽ đây là nơi chuyên nghề rèn đúc vũ khí chiến cụ phục vụ công cuộc bảo vệ bờ cõi của Uy Minh Vương thời đó.

Cùng với việc chọn đất và xây dựng lỵ sở, Uy Minh Vương Lý Nhật Quang còn chấn chỉnh lại bộ máy cai trị bằng cách rà soát lại hệ thống quan lại ở lỵ sở và các địa phương. Căn cứ vào tình hình ở các làng, xã, Uy Minh Vương đi thị sát ở từng vùng, trực tiếp kiểm tra năng lực của từng hào mục, quan lại, từ đó loại bỏ những kẻ háo danh, bắt tài để thay thế bằng những người có tài và tận

trung với nước. Ông thẳng tay nghiêm trị bọn quan tham và tạo điều kiện cho những người lầm lỗi có điều kiện làm ăn, phục thiện. Kế sách của Uy Minh Vương đó làm cho tình hình chính trị ở Nghệ An dần dần ổn định. Người dân rất cảm phục uy đức của ông.

Về kinh tế: Uy Minh Vương cho thực hiện nhiều chính sách tiến bộ về nông nghiệp như chăm lo thủy lợi, khai hoang, trồng trọt, chăn nuôi, mở rộng giao thương, buôn bán, phân bố lại dân cư. Thấy vùng Đô Lương, Anh Sơn, Nam Đàn, Hưng Nguyên... còn nhiều đất bị bỏ hoang, Uy Minh Vương bỏ tiền, cấp gạo, giao cho quan lại địa phương chiêu tập những người lưu tán, khó khăn, tổ chức khai hoang để lập nên nhiều làng, xóm mới. Ở một số vùng gặp thiên tai, bão lụt, Uy Minh Vương xin miễn, hoãn tô, thuế để nhân dân có điều kiện khắc phục khó khăn. Ông cho kiểm kê lại ruộng đất, tráng đinh để vừa quy định mức thuế và nắm lực lượng trai tráng ở các làng xã, khi cần huy động họ phục vụ cho nhu cầu bảo vệ đất nước. Việc đắp đê sông Lam, khơi kênh Đa Cát, phân bố lại dân cư, khai hoang lập ấp.. không chỉ phát triển sản xuất mà còn tạo điều kiện cho việc nuôi tằm, dệt lụa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt thủy hải sản, lưu thông buôn bán giữa các miền trong vùng.

Về quân sự: thông qua kiểm kê ruộng đất, nắm được số lượng thanh niên ở các làng xã, Uy Minh Vương cho tập trung họ về các doanh trại để huấn luyện quân sự. Sau đó lựa chọn những người khoẻ mạnh, bổ sung vào lực lượng chính quy, trấn giữ ở các vùng xung yếu. Số còn lại ông trả về địa phương để họ làm ăn, khi cần mới điều động. Chính sách “*động binh, tĩnh dân*” có tác dụng lớn trong việc phát triển sản xuất và củng cố quốc phòng. Ngoài ra, Uy Minh Vương còn cho tích trữ lương thực, lập nhiều đồn trại ở các vùng xung yếu để đề phòng quân giặc. Kế sách quân sự của Uy Minh Vương đã tạo chỗ dựa vững chắc về binh lương để triều đình củng cố vị thế của đất nước và tiến hành các cuộc nam chinh mở đất ở phương nam.

Về văn hoá: Uy Minh Vương một mặt cho xây dựng nhiều trường học để mở mang dân trí, lập các đền miếu để ghi nhớ, tôn vinh những người có công. Thời Lý, đạo Phật được coi là Quốc đạo. Ngôi chùa không chỉ là nơi thờ Phật, hướng thiện mà còn là nơi góp phần dạy chữ, khai tâm, khai trí cho nhân dân. Ở Nghệ An đó có rất nhiều chùa được xây dựng. Chùa Nhân Bồi, chùa Tạt Phúc... là những ngôi chùa nổi tiếng ở Bạch Ngọc được xây dựng, tồn tại cho đến ngày nay.

Trong thời gian nhậm trị ở Nghệ An, Uy Minh Vương đã mở được 5 châu, 22 trại, 56 sách... biến Nghệ An từ một vùng đất nghèo khó, bất ổn, trở thành một châu hùng mạnh của nước Đại Việt. Chính sách sáng suốt của ông đó giúp phần quan trọng giúp Lý Thái Tông đánh thắng quân Chiêm vào năm 1044 và ổn định đất nước.

Năm 1057 Uy Minh Vương Lý Nhật Quang qua đời. Nhân dân xứ Nghệ vô cùng thương tiếc đã mai táng di hài ông dưới chân núi Quả, làng Tạt Phúc, Bạch Đường, Bạch Ngọc (nay thuộc xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương). Năm 1058, Nhà nước đã cho lập đền thờ Uy Minh Vương ở chân núi Quả Sơn. Trải qua gần một nghìn năm lịch sử ở xứ Nghệ đó lập 36 đền thờ ông; nhiều làng, xã tôn ông

làm Thành hoàng, để bày tỏ lòng kính trọng, biết ơn đối với vị thánh đã có công “bảo quốc hộ dân”.

Vùng đất Đông Thành ngày xưa là nơi Uy Minh Vương đó trấn trị, tổ chức nhiều đợt khai phá, làm cho nhân dân có cuộc sống yên ổn, thịnh vượng nên nhiều làng, xã đó lập đền thờ ông. Đền Cả ở làng Tràng Thành, xã Hoa Thành là một trong những đền thờ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang nổi tiếng xứ Nghệ.

c. Bạch Y công chúa



Theo truyền thuyết, thần tích lưu ở các huyện Quỳnh Lưu, Yên Thành, Bạch y công chúa là con gái của Hồ Quý Ly. Năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất ngôi vua của nhà Trần, lập nên nhà Hồ. Sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly cho thực hiện một số chính sách tiến bộ về văn hoá, kinh tế, giáo dục, quân sự để cải cách và chấn hưng đất nước.

Thấy Nghệ An là vùng đất địa linh, có tầm quan trọng trong chiến lược xây dựng vào bảo vệ đất nước nên Hồ Quý Ly đã cho xây thành Hồ Vương ở núi Đại Huệ, sửa sang đường sá, nạo vét sông Bùng, kênh nhà Lê để tăng cường giao thông đường thủy, phục vụ nhu cầu lấy nước sản xuất, vận chuyển binh lương. Thấy vùng Diễn Châu, Quỳnh Lưu đất rộng, dân đông, có thể mở mang, phát triển kinh tế nhưng thiếu nước tưới ruộng. Hồ Quý Ly quyết định cho đào kênh từ Sông Hiếu, Nghĩa Đàn về sông Bùng ở Quỳnh Lưu để dẫn nước, cung cấp cho đồng ruộng. Việc đào kênh không chỉ có tác dụng về sản xuất mà còn tạo điều kiện để giao lưu hàng hoá, buôn bán nông phẩm từ miền núi về đồng bằng Nghệ An.

Thực hiện lệnh vua ban, đã có hàng ngàn binh lính, dân phu của huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành... được huy động ngày đêm trực tiếp làm việc ở công trường. Hàng ngày họ phải chặt cây, phá đá, đào núi, mở đường, làm kênh. Trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt như nắng nóng, mưa dầm, đôi rét cộng với đòn roi của quan binh đã làm cho nhiều người bỏ mạng, ốm đau. Đã nhiều tháng trời thi công nhưng việc đào kênh vẫn chưa xong. Hàng trăm binh lính, dân phu bị chết vì bệnh tật, ngã nước, ở nơi “lam sơn chướng khí”, tiếng kêu ai oán diễn ra ở khắp nơi.

Để đốc thúc việc đào kênh, Hồ Quý Ly đã cử con gái mình là Bạch y công chúa trực tiếp vào khe Bung cùng quan binh trông coi việc đào kênh. Thương dân vất vả, cực nhọc, hàng ngày nàng ra công trường đàn hát nhằm động viên mọi người. Tuy vậy, tiếng đàn du dương trầm bổng không thể lấn át tiếng kêu ai oán của những người lao động cực nhọc. Một lần ngược lên thượng nguồn thì sát tình hình, nàng thấy những cây máu chó khi bị đập nát đã rỉ ra thứ nhựa đỏ như máu. Sau nhiều đêm trằn trọc suy nghĩ, nàng bí mật cho người hái lá cây máu chó ném xuống đầu nguồn kênh. Lá cây khi ngấm nước đã rỉ ra một thứ nước đỏ như máu. Dân chúng hoảng sợ đồn thổi: việc đào kênh đã chạm phải long mạch. Nàng về thưa với vua cha rằng việc đào kênh chưa hoàn thành vì chạm phải cổ rồng nên rồng bị quẫn quại và rỉ máu. Tin con, Hồ Quý Ly đã cho dừng công trường. Về sau sự việc bị phát giác, Hồ Quý Ly tức giận đã giết con gái của mình. Nhân dân trong vùng vô cùng thương cảm đã lập miếu thờ công chúa và truyền lại bài thơ nói về cái chết oan nghiệt của Nàng:

*"Sao mà có Trần Quốc Công
Giết nàng phụ nữ oan lòng sự con
Thương nàng phận gái thơ non
Mới 18 tuổi vừa tròn bóng trăng
Cung đàn nàng gảy khi nắng khi dòi
Thương nàng lấm lấm nàng ơi
Bởi về kênh sất đào rồi không xong
Giết con mà lấy uy lòng
Oan con, con chịu mà sông không thành".*

Tương truyền: Sau khi chết, oan hồn của Bạch y công chúa thường hiển linh phảng phất dọc kênh để cứu giúp những người gặp nạn. Theo “*Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*” của PGS Ninh Viết Giao thì linh hồn của Bạch y công chúa đã hoá thành con Chồn Trắng để cứu giúp Lê Lợi thoát nạn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh: “*Lê Lợi khởi nghĩa đánh quân Minh, nhiều phen thắng, nhưng không ít phen thua. Trong một trận bị thua nặng, tướng sỹ kẻ bị giết kẻ chạy toán loạn. Vương phải chạy vào một khu rừng, lúc đầu còn có nghĩa binh bảo vệ, nhưng sau chẳng còn một ai, mà quân Minh vẫn bám riết sau lưng.*”

Gấp quá, Vương phải chạy vào bụi kín¹. Quân Minh bu xung quanh đưa giáo xĩa vào. Lát giáo này xĩa vào mình Vương, Vương phải lấy đất chùi máu. Chúng cho chó sấn vào lưng sục, đánh hơi. Bỗng từ gốc bụi cây rậm, một con Chồn trắng² chạy ra. Quân Minh đuổi theo con Chồn, thế là Lê Lợi thoát nạn”.

Bạch Y công chúa khi còn sống đã là một người nhân hậu, hết lòng thương dân. khi mất nàng vẫn âm phù để giúp đất nước cường thịnh, ơn đức đó mãi được người đời khắc sâu trong tâm thức.

Tràng Thành ngày xưa là vùng đất sống bằng nghề nông, Vào thời hậu Trần có nhiều người bỏ mình khi bị điều động đi lính đào kênh. Vì kính trọng và biết ơn Nàng, nhân dân đã lập bàn thờ đưa linh vị của Bạch y vào thờ ở đền Cả, để mong Nàng tiếp tục hiển linh “*bảo quốc hộ dân*”.

d. Phan Cảnh Quang

Theo sách Đại việt sử ký toàn thư, Bách thần lục, Tục thờ thần và thần tích Nghệ An, Tộc phả họ Phan lưu ở xã Hoa Thành và truyền thuyết lịch sử cho biết:

Phan Cảnh Quang con ông Phan Bá Chiêu, người làng Tràng Thành, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Ông sinh năm 1535 trong một gia đình nghèo làm nghề chài lưới và chở đò qua sông Dinh. Từ nhỏ Phan Cảnh Quang được cha cho theo học võ nghệ, binh pháp, lại khổ công rèn luyện nên sớm trở thành một trang nam nhi tuấn kiệt, chí lớn hơn người. Bất bình trước cảnh nội chiến làm cho đời sống nhân dân vô cùng cực khổ. Năm 1559, Phan Cảnh Quang và em trai là Phan Đức Quang cùng một số bạn bè thân tín bí mật ra Thanh Hóa tìm cách giúp vua Lê. Khi được yết kiến triều đình, vua thấy ông là người có nghĩa khí, văn võ toàn tài, nên cho ông và các bạn gia nhập vào quân đội của triều đình.

Thừa ấy, trong đội tượng binh của vua Lê có một con voi chiến đột nhiên giở chứng, bứt phá xiềng xích, chạy trốn vào rừng, phá hoại nương rẫy, mùa màng của nhân dân. Đã có nhiều người được cử đi bắt voi nhưng không thành. Nhà vua truyền lệnh nếu ai bắt được con voi sẽ được trọng thưởng. Sau khi gặp các tượng binh tìm hiểu về tình hình, Phan Cảnh Quang biết được con voi này sau khi đi kiếm ăn, chiều về thường ra sông Chu uống nước rồi nằm nghỉ dưới một gốc cây to. Để tìm cách trị voi, Phan Cảnh Quang lấy 2 cùn dao sắc dặt vào lưng, rồi treo lên cây to để đợi voi về. Như thường lệ, sau khi ăn uống về voi dựa vào gốc cây quen thuộc. Từ trên cao, Phan Cảnh Quang ném thử cành cây, thấy con vật không có phản ứng, ông bèn lựa thế nhảy lên đầu voi, vừa cầm con

dao vào tai voi vừa hét lớn để thị uy. Bị bắt ngờ, voi chiến sợ hãi đứng yên, rồi tuân theo hiệu lệnh của ông để trở về doanh trại. Thấy Phan Cảnh Quang khuất phục voi dữ, dân, binh đều vui mừng; vua Lê biết tin liền trọng thưởng, sau đó giao cho ông chỉ huy một đơn vị chủ lực để phò vua đánh giặc.

Trong các trận đánh xảy ra ở Hà Nam, Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Thăng Long, Sơn Tây, Thanh Hóa, Nghệ An, Phan Cảnh Quang luôn là người tiên phong lập được rất nhiều chiến công nên được triều đình phong thưởng và giao cho chỉ huy Cẩm y vệ bảo vệ nhà vua. Năm 1570, khi Trịnh Kiểm qua đời, anh em nhà Trịnh Cối, Trịnh Tùng có sự bất hòa, đánh nhau để tranh giành quyền lực. Phan Cảnh Quang cùng các tướng tâm phúc của Trịnh Tùng anh dũng chiến đấu giữ vững phủ Vạn Lại, bảo vệ vua Lê Anh Tông. Năm 1573, khi vua Lê Thái Tông (con vua Lê Anh Tông) lên ngôi, xét công lao phò vua, giúp chúa của Phan Cảnh Quang, triều đình đã ban thưởng rất hậu cho ông.

Từ mã, 1583 đến năm 1599, vua Lê – chúa Trịnh đã mở nhiều đợt tấn công ra Bắc đánh chiếm Thăng Long, bắt và xử tử Mạc Mậu Hợp, đuổi quân Mạc chạy dạt lên Cao Bằng, Lạng Sơn. Trong các trận hành binh tiêu trừ quân Mạc ở Châu Cẩm Hóa năm 1555, Phan Cảnh Quang đã cùng Lại Thế Quý giúp Trịnh Tùng đánh ta lực lượng của quân địch, đuổi Mạc Kính Dụng lên tận Cao Bằng, tiêu diệt thân vương Kỳ Sơn vương, Phúc Thân vương, Xuân Sơn vương. Trong trận đại thắng này, Phan Cảnh Quang và Lại Thế Quý đã tiêu diệt được 600 quân giặc, thu hồi 01 con voi, 10 cỗ ngựa cùng nhiều khí giới, lương thực. Sau chiến công oanh liệt này, Phan Cảnh Quang và Lại Thế Quý được triều đình khen thưởng nhiều lần.

Trong thời gian phò vua giúp chúa ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Phan Cảnh Quang và Lại Thế Quý đã cùng các tướng tìm được kế sách hay để ổn định tình hình dân chúng, tích cực củng cố lực lượng, đồn trại, tổ chức bày binh bố trận để hậu thuẫn cho hoạt động ngoại giao và phá tan âm mưu lập căn cứ ngoài viện từ Trung Quốc vào đánh chiếm nước ta.

Làm tướng dưới triều Lê – Trịnh, Phan Cảnh Quang vẫn luôn trăn trở trước cảnh đất nước bị chia cắt, nhân dân lầm than nên ông tìm cách để giúp triều đình đánh giặc, mong muốn sớm chấm dứt được nạn binh đao đất nước thái bình. Những lần có dịp về thăm quê hương, Phan Cảnh Quang đều dành nhiều thời gian để đi thăm làng mạc, đồng ruộng, anh em, thân tộc. Gặp những người có hoàn cảnh éo le, ông thường quan tâm cho tiền, cấp gạo giúp đỡ. Người làng vùng Đông Thành hết sức ngưỡng mộ, kính trọng ông.

Do nhiều năm chính chiến gian khổ trên chiến trường, dành nhiều thời gian, tâm sức phục vụ triều đình, ổn định đất nước nên Phan Cảnh Quang lâm bệnh nặng rồi qua đời vào ngày 10 tháng 7 năm Quang Hưng thứ 2 (1599), hưởng thọ 65 tuổi, linh cữu của ông được đưa về hợp táng với vợ tại quê hương.

Đề tỏ lòng kính trọng một vị tướng tài, có lòng yêu nước thương dân, nhân dân đã lập đền thờ ông ở làng Tràng Thành (nay là xã Hoa Thành, huyện Yên Thành), sau đó rước linh vị của ông về phối thờ ở Đền Cả.

Phan Cảnh Quang là vị tướng trí dũng, đã có công rất lớn trong việc phò vua giúp nước ở thế kỷ XVI, nên được triều đình phong kiến Lê – Trịnh khen thưởng, phong sắc nhiều lần. Năm Quang Hưng thứ 18 (1629), vua Lê Thần Tông đã ban sắc: *“Sắc cho Phan Cảnh Quang làm Minh nghĩa kiệt tiết tuyên lực công thần, đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ Chương vệ sự Sùng quận công trụ quốc bậc trên... đặc tiến thăng: Phụ quốc Thượng tướng quân Đô thống binh sự xứ Hưng hóa tư Đô tổng đồng tri Sùng quận công bậc trên”*.

Đền thờ của ông ở làng Tràng Thành rất linh thiêng nên đã được nhà Nguyễn tiếp tục sắc phong đề tưởng nhớ và tôn vinh một vị trung thần đã có công *“báo quốc hộ dân”*.

Sách Bác Thần lục viết: *“...Tả Đô đốc Sơn (trước là Sùng) Quận Công. Thần là người xã Hạ Thành, họ Phan, tên hiệu húy là Cảnh Quang, theo vua Lê diệt Mạc có công được phong Minh nghĩa kiệt tiết tuyên lực công thần, chức chỉ huy sứ Ti Chương doanh tước Trung tín hầu. Lại có công dẹp tan các đảng giặc. Sau khi mất thường hiển linh. Dân xã lập đền thờ mỗi khi cầu đảo đều linh ứng”*.

Năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783), vua Lê Hiển Tông đã ban sắc: *“Sắc cho Minh nghĩa Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Sùng tướng công đức lớn sâu dày, ngay thẳng được coi là vị thần có công ngăn ngừa tai ương hoạn nạn, mãi mãi được ghi nhớ và thờ phụng... Vậy đán được phong thêm mỹ tự là Đại vương Minh nghĩa uy dũng Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Sùng tướng công”*.

2. Sự kiện lịch sử

Trong phong trào văn thân Cần vương chống Pháp, cuối thế kỷ XIX, ở thời kỳ đầu của cuộc khởi nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhã đã tụ họp ở chùa Bảo Lâm, đền Cả để xây dựng lực lượng, cất giữ vũ khí, lương thực chuẩn bị đánh giặc. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Yên Thành, chúng lấy đình Bảo Lâm làm căn cứ quân sự để đàn áp nhân dân. Trước tình thế khó khăn đó, nghĩa quân Cần Vương đã bí mật ém quân ở đền Cả và lấy đó làm bàn đạp để công phá quân địch.

Trước thời gian xuất dương cứu nước và khi trở về Việt Nam lãnh đạo phong trào cách mạng, Phan Đăng Lưu và một số đồng chí khác đã lấy đền Cả làm cơ sở bí mật để bàn tính, tuyên truyền, vận động chống Pháp.

Trong cao trào cách mạng 1930-1931, phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và cuộc vận động đấu tranh chống thực dân Pháp giành chính quyền từ 1939-1945 ở làng Tràng Thành, nhiều chiến sỹ cách mạng như: Phan Đăng Lưu, Nguyễn Phong Sắc, Phan Đăng Diệu, Phan Xuân Thuyên, Phan Lạc, Chu Văn Biên,

Phan Phúc Tương đã dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, lấy đền Cả làm một trong những địa điểm bí mật để xây dựng nhiều cơ sở đảng, tổ chức quần chúng để tuyên truyền, đấu tranh chống thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mỹ, đền Cả là nơi được chính quyền cách mạng sử dụng làm chỗ hội họp, tập huấn cho cán bộ, bộ đội, dân quân. Nơi dạy chữ quốc ngữ, vận động nhân dân hưởng ứng các phong trào thi đua kháng chiến, kiến quốc do Đảng và Bác Hồ kêu gọi.

V. SINH HOẠT VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG



Lễ rước tại Đền Cả xã Hoa Thành

Đền Cả là công trình kiến trúc cổ quý, có cảnh quan đẹp và rất linh thiêng. Từ khi được xây dựng cho đến hiện nay đã gắn bó với đời sống văn hoá tâm linh của nhân dân và một số sự kiện lịch sử ở Yên Thành, Nghệ An.

Hàng năm, vào dịp lễ hội, các ngày sóc, vọng... đền thờ là nơi thu hút được nhiều người dân, du khách đến thắp hương, dân lễ, cầu phúc, cầu khoa, cầu lộc, cầu tài. Đặc biệt vào ngày ngày 16 tháng Giêng âm lịch của các năm Tỵ, Ngọ Mão, Dậu, dân làng Trảng Thành và nhiều làng khác ở huyện Đông Thành đã tổ chức lễ hội long trọng để hiến dâng lễ vật, tưởng nhớ các vị thành hoàng đã có công dựng nước và giữ nước. Những năm mưa thuận gió hoà, đời

sống khá giả, lễ hội được tiến hành 2 - 3 ngày. Trong thời gian đó ở đền thờ sẽ diễn ra nhiều hoạt động về lễ và hội theo phong tục cổ truyền.

Ở phần lễ trình tự có các nội dung lễ Khai quang tảo uế: *Làm tổng vệ sinh ở khu vực trong và ngoài đền để chuẩn bị tế thần và đón quan lại nhân dân về dự lễ.* Lễ mộc dục: *Tắm rửa tượng, các đồ thờ.* Lễ yết cáo: *Báo cáo với các thành hoàng, trời đất, thần linh, tổ tiên về thời gian, nội dung lễ hội, đồng thời mời các vị về tham dự.* Lễ rước: *Tổ chức rước Kiệu, Bài vị của các võ tướng, danh thần ở một số đền thờ, nhà thờ của dòng họ ở làng Tràng Thành về hợp tế ở đền Cả.* Lễ tế: *Hiến dâng vật phẩm, tấu nhạc, đọc văn. . . tưởng nhớ công lao của các danh tướng, danh thần, cầu xin trời đất, thần linh tiếp tục phù hộ cho gia đình, quê hương đất nước những điều tốt đẹp.* Lễ tạ: *Cảm ơn trời đất, các vị thần linh, tổ tiên đã về dự lễ hội, trực tiếp ban phúc và xin lượng thứ cho con cháu những điều gì chưa được chu đáo, sẽ xin khắc phục vào lần sau.*

Ở phần hội trong một không gian rộng trước đền thờ sẽ có các hoạt động văn nghệ dân gian: hát ví, hát tuồng...; những trò chơi thể thao mang đậm tính chất thượng võ lạc quan như: Đấu vật, đánh cờ, chọi gà, chơi đu, thu hút hàng vạn người đến tham dự. Thông qua lễ hội, con cháu trong họ, nhân dân, du khách thập phương có dịp tập trung viếng thăm đền thờ, gặp gỡ giao lưu, tham gia các sinh hoạt văn hoá hướng về nguồn cội. Ở đó mọi người có điều kiện hiểu biết về công tích, sự nghiệp của các anh hùng, danh nhân. Đồng thời, tự nguyện hiến dâng các vật phẩm như: hương, hoa, trầu, rượu, cỗ mặn, cỗ chay... để tưởng niệm những người có công. Lễ hội diễn ra ở đền Cả cũng là nơi gặp gỡ giao duyên của các nam thanh nữ tú trong vùng. Thông qua các sinh hoạt hát ví, chơi đu...nhiều đôi nam nữ, trai tài gái sắc đã kết duyên thành nghĩa vợ chồng. Các cuộc thi tài đấu vật, đấu võ không chỉ là những cuộc vui mà còn biểu dương tình thần thượng võ của dân tộc. Lễ hội đền Cả tung bừng náo nhiệt đã phản ánh truyền thống uống nước nhớ nguồn tình thần lạc quan yêu đời của nhân dân xứ Nghệ.

VI. KHẢO TẢ DI TÍCH

Tràng Thành là một vùng đất có chiều dài lịch sử và truyền thống văn hoá. Thám hoa Phan Thúc Trực từng nhận xét: “Tràng Thành thế đất bằng phẳng, màu mỡ, tục dân thuần tú, văn học khoa bảng đứng đầu một phủ”. Đất đai bằng phẳng, màu mỡ, có sông Dinh, chợ Dinh, đường tỉnh lộ chạy qua làng nên kinh tế đời sống của nhân dân rất phát triển. Vẻ đẹp của núi sông và truyền thống văn hóa của Hoa Thành từ xưa đã đi vào thơ ca, truyền thuyết:

“...Tràng Thành chín đỉnh đôi sơn
Rồng bay phượng múa tây thiên châu về...”
“...Đâu vui hơn chốn Hạ Thành
Thật là văn vật thơm danh Chi Tràng...”

Thời Lý, Trần, Lê, Tràng thành được chọn là ly sở của huyện Đông Thành. ở đây có thành Dền do hoàng tử Lê Long Toàn xây dựng vào thời Lý, đền Cả, chùa Báo Lâm, đình Báo Lâm, nhà thánh thờ Khổng Tử, ...là những công trình kiến trúc cổ xây dựng nổi tiếng về vẻ đẹp và sự linh thiêng. Đền Cả nằm trên một cồn đất cao có khuôn viên rộng khoảng 3 ha. Phía trước là hệ thống ao hồ,

đồng ruộng bằng phẳng, thoáng đãng làm minh đường. Bên phải là Nhà Thánh, đình Báo Lâm. Bên trái và sau lưng là làng mạc, dân cư sầm uất.

Các công trình kiến trúc chính gồm có tam quan, nhà ca vũ, tả vu, hữu vu, bãi đường, thượng điện. Vườn đền rộng trồng các loại cây xanh bóng mát như: sung, đa, vải, nhãn, tre,... Do tác động của thời gian, thời tiết nên con người nên một số công trình kiến trúc và cảnh quan đã có thay đổi.

1. Tam quan

Tam quan của đền Cả được xây bằng gạch, đá, vôi vữa quy mô không to nhưng khá đẹp. Mặt bằng kiến trúc được bố trí theo kiểu tường đặc. Các bộ phận được kết nối với nhau bằng các trụ chính, trụ phụ, tường gạch xây chõm ra, thụt vào để tạo thành các hình khối kiến trúc đẹp, bền vững. Một số bộ phận ở cột đăng, tường đặc trang trí long, ly, quy, phượng, câu đối chữ Hán. Cửa chính rộng 2,13m, hai bên có các cột trụ xây bằng gạch vữa. Trụ đăng chân choãi, thân rộng 2,13m, có đoạn chõm ra, lõm vào để tạo đường nét kiến trúc và trang trí hoa văn, hai bên có các cột trụ xây bằng gạch vữa. Đỉnh trụ đắp hai con nghê vươn cổ châu vào cửa đền. Đầu trụ là các khối vuông giả đăng trang trí cá chép hoá rồng, phượng hàm thư, rùa sen, long mã cũng bát quái theo motif truyền thống. Thân trụ thẳng, phía ngoài có gờ lồi, mặt trong lõm, đắp nổi các câu đối.

- *Câu thứ nhất, mặt trước:*

Cao tiền thủy đối uy linh trụ
Tích hậu sơn triều miếu điện cơ

(Nghĩa là: Trước mặt có dòng nước chảy soi bóng trụ oai linh
Sau lưng là núi sông làm chỗ dựa cho miếu điện).

- *Câu thứ hai, mặt trong:*

Lý sơn khoa giáp anh hùng đại.
Dinh thủy công hầu chức tước cao

(Nghĩa là: Núi đồi khoa giáp làm nên anh hùng lớn
Sông Dinh có công hầu chức tước cao).

- *Câu thứ ba, mặt sau:*

Tiền cổ thăng khoa thập bát công tôn sự nghiệp
Hậu hữu pháp bảng nhị giáp trụ hoa thôn

phương danh

(Nghĩa là: Người trước khai khoa 18 quận công nên sự nghiệp
Người sau kế tiếp hai vị thám hoa tiếng thơm mãi đến ngày

nay)

Cửa phụ của đền Cả nằm giữa hai mảng tường nối giữa trụ chính và trụ phụ xây kiểu chõng diêm tám mái. Ở giữa mở thông ra trước và sau tám. Năm 1923, khi trùng tu lại đền, lối đi ở cửa phụ được xây kính thành mảng tường, đắp nổi chữ Hán: “Linh” (bên tả) - “Anh” (bên hữu).

Các trụ góc của Tam quan thấp hơn trụ chính, phía trên đắp nổi búp hoa sen. Thân trụ ghi câu đối:

Thiên địa quang lâm minh thế hậu
Âm dương hội chiếu hiển danh tiên.

(Nghĩa là: Trời đất sáng chói rạng cả đời sau
Âm dương hội chiếu làm hiển danh đời trước).

So với Tam quan của các đền miếu khác trong vùng, Tam quan của đền Cả không to nhưng có kiểu dáng đẹp, kiến trúc tương đối hài hoà so với cảnh quan chung.

2. Nhà ca vũ:

Nhà ca vũ còn được gọi là nhà Chông Diêm tám mái. Công trình này được sử dụng làm nơi đặt kiệu rước thần từ các làng về họp tế ở đền Cả. Nhà Ca vũ còn là nơi đứng chờ nghỉ tạm của các vị chức sắc, trưởng lão trước khi vào đền tế thần hoặc ngồi xem hát ví, diễn tuồng trước sân khi có lễ hội. Công trình này đẹp, giống như “Khuê Văn Các” của Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội. Nhà Ca vũ có diện tích xây dựng 30,7m², khung nhà làm bằng gỗ lim, tổng thể có 1 gian, 2 vì, 4 cột cái, 4 cột con, 8 đường xà, kẻ được liên kết với hệ thống hoành, rui, mè để nâng đỡ mái ngói. Nhà ca vũ lợp ngói âm dương, bờ nóc trang trí rồng châu mặt nguyệt. Góc mái uốn cong hình mũi đao. Ở hồi nhà là các mái tường đắp nổi hình tượng cá chép hoá rồng, rùa đội lá sen rất mềm mại và sinh động. Tầng trên của Nhà ca vũ thung bao bằng ván và cửa sổ kiểu trên song dưới bản, sàn nhà lát các gỗ, phía trên bày trí một bàn thờ nhỏ có lư hương, cọc nến, nậm rượu... phục cho nghi lễ thờ cúng. Ngoài ra ở phía trước có hai trụ đỡ góc mái phía trước ghi câu đối:

Câu thứ nhất, mặt trước:

Thiên thu tôn thành kính
Vạn cổ miếu anh linh

(Nghĩa là: Ngàn thu tôn thờ kính
Muôn thưở miếu mạo anh linh).

Câu thứ 2, mặt trong: Lâu đài cao để miếu
Lư diêm động thiên môn

(Nghĩa là: Lâu đài, đền miếu cao sang là nơi ngự trị của vua
Làng xóm đẹp đẽ ấy là do trời ban tặng).

Tầng dưới của nhà ca vũ được nở rộng ra bốn phía kiểu mái chùa. Góc mái uốn cong hình đao, các bờ chái trang trí bốn con Rồng uốn lưng vươn đầu châu vào mặt nguyệt tròn giữa các vân mây. Nền nhà ca vũ lát gạch vuông màu nâu sẫm, 4 phía để trống thông ra cửa trước, sân và phần nền. Các cột trụ đỡ góc mái ghi câu đối nói về việc xây dựng đền, vùng đất địa linh đã sinh ra các anh hùng, danh nhân.

Câu thứ nhất ghi ở mặt trụ trước (mặt ngoài):

Trường khai thanh diện dân cư tráng
Bảo xuất lâm dầu vượng khí chung

(Nghĩa là: Đất Tràng Thành mở mang dân cư đều mạnh mẽ
Đền, đình Bảo Lâm xây dựng núi sông chung đúc được khí
thiên)

Câu thứ 2 ở mặt trụ phía trước (mặt trong):

Anh linh vạn đại trường thành chỉ
Khoa giáp thiên thu quốc sử lưu

(Nghĩa là: Thiêng liêng muôn đời Tràng Thành đất mạnh
Khoa giáp ngàn năm quốc sử còn lưu).

Câu thứ 3 ghi ở mặt trụ phía sau (mặt trước):

Lục giáp đồng tâm tôn tạo miếu
Ngũ thôn thành kính phụng ngưỡng thần

(Nghĩa là: Sáu giáp đồng tâm tôn tạo miếu
Năm thôn thành kính ngưỡng vọng thần).

Câu thứ 4 ghi ở mặt trụ phía sau (mặt trong):

Vạn cổ anh linh lưu mặc ứng
Ức niên nhật nguyệt chiếu trùng quang

(Nghĩa là: Muôn đời anh linh còn giáng ứng
Ngàn năm nhật quang nguyệt đã rạng soi).

Câu thứ 5 ghi ở mặt trụ phía sau (mặt sau):

Việt điện oai linh thần tự tại
Nam thiên dũng mạnh thánh như lai

(Nghĩa là: Thần đất Việt oai linh tự tại
Thánh trời Nam dũng mạnh về đây).

Đẹp và ấn tượng nhất về chạm khắc gỗ là ở các bộ phận đầu kê, xà chính của công trình. Các kê hồi chạm nổi vân mây, dây hoa khá đơn giản. Các kê chính chạm khắc đề tài cá chép hoá rồng, long mã cỡi bát quái, rùa bơi dưới hoa sen, chim phượng đưa thư, rồng châu mặt nguyệt, sen, trúc, cúc, mai. Nội dung đề tài hình tượng các con vật, cỏ cây, hoa lá được thể hiện hết sức mềm mại, điêu luyện.

Ngoài các câu đối đã tả ở cuối tường bao sân cũng có các trụ ghi câu đối.

Câu thứ nhất ghi ở mặt trong: Lãng giáng trần tả hữu
Uy linh điện kim ngân

(Nghĩa là: Ra vào đi phía phải phía trái
Nơi này uy linh hơn bạc vàng)

Câu thứ 2 mặt trong ghi: Thiên lai thành vũ trụ
Địa tại đảo âm dương

(Nghĩa là: Trời cao hội tụ vào vũ trụ
Đất lành vượng khí cả âm dương).

3. Sân vườn:

Sân đền ở phía sau Tam quan được lát gạch vuông màu nâu khá sạch sẽ. Ở đây đặt 2 tượng nô tì và 2 con voi khá đẹp. Tượng nô tì bằng đá được thể hiện toàn thân, mặt tròn, tai dài, miệng rộng. Phần thân phía trên khoác áo, phía dưới mặc váy, đang ở trong tư thế uốn bụng, quỳ gối, chấp tay thi lễ. Theo sách “Địa chí lịch sử – văn hóa xã Hoa Thành”, các vị nô tì được tạc vào thời Lý. Tượng voi được đắp bằng vôi vữa đang ở tư thế quỳ, trông rất sinh động.

Vườn đền rộng, mát mẻ có trồng các loại cây xanh như sung, đa, tre, xanh...

4. Nhà Bái đường:

Nhà Bái đường là công trình kiến trúc chính của đền Cả. Công trình kiến trúc này tương đối bề thế khang trang nằm ở phía sau sân đền. Nhà Bái đường

được làm bằng gỗ lim, dổi, gạch ngói.... Kiến trúc có 3 gian, 2 hồi, tổng diện tích xây dựng là 89,61m², dài 12,36m, rộng 7,25m. Mái nhà Bái đường lợp ngói âm dương, bờ nóc đắp thẳng được trang trí hình tượng rồng châu mặt nguyệt, bờ giải gập khúc đắp nổi đầu rồng cách điệu. Đốc tường xây bằng gạch vữa, nền nhà lát gạch màu đỏ sẫm, phía trước đóng mở bằng hệ thống cửa ván thượng song hạ bản khá chắc chắn. Bộ khung của nhà Bái đường làm bằng gỗ lim, dổi, vì kèo kết cấu theo kiểu tiền trụ kẻ chuyền. Các bộ phận liên kết giữa chi tiết vì kèo, xà hạ... với hệ thống cột cái, cột con được lắp ghép bằng sàm, mộng. Phương pháp và kỹ thuật truyền thống này vừa đảm bảo cho các bộ phận kiến trúc làm bằng gỗ vừa kín khít vừa có sự liên kết chặt chẽ với nhau tạo ra sự vững chắc của ngôi nhà trước thời tiết khắc nghiệt ở Nghệ An. Để cho bộ khung gỗ của nhà Bái đường có sự hài hoà giữa tổng thể với các chi tiết kiến trúc với nhau, ở các đầu kẻ, cuối thân xà, hạ được chạm nổi hình tượng long ly, quy phượng, tùng, trúc, cúc, mai, vân mây, dây hoa. Các cột trụ đỡ góc mái phía trước được trang trí câu đối:

- *Câu ở mặt trước thân trụ:* Trung hưng thánh thông minh linh
ứng

Thượng đẳng thần chính trực oai nghiêm
Nghĩa là: Thông minh linh ứng là bậc thánh trung hưng
Ngay thẳng uy nghiêm là vị thần thượng đẳng.

- *Câu ở mặt sau thân trụ:* Cương phương chính khí sơn hà tại
Giáng trùng thân ân vũ lộ lưu

Nghĩa là: Chính khí thiêng liêng của núi sông đã hội tụ ở đây
Ôn sâu của trời cao như mưa móc còn thấm sâu mãi mãi.

Các cột trụ này kết hợp với góc tường trang trí hai vị hộ pháp làm cho thêm nhà thêm đẹp. Hộ pháp vẫn ở bên tả, đắp nổi toàn thân. Đầu tượng đội mũ cánh chuồn, vẻ mặt trang nghiêm, tay trái cầm kiếm, tay phải chống nạnh, thân vận y phục, chân đi hia. Hộ pháp võ ở bên hữu, đầu đội mũ tròn có chỏm, tay phải cầm kiếm, tay trái đứng chống nạnh, thân vận võ phục, chân đi hia, sẵn sàng bảo vệ đền.

Căn cứ vào chữ Hán ghi trên ván âm của bộ khung, nhà Bái đường được xây dựng vào cuối thời Hậu Lê, trùng tu vào thời Nguyễn (1841).

***Bàì trí nội thất.**

Nội thất nhà Bái đường được bài trí nhiều loại đồ thờ, phục vụ cho nhu cầu thờ cúng các vị phúc thần ở đền Cả.

Gian bên trái: Ở giữa đốc tường đặt một chiếc kiệu nhỏ, thân kiệu bao thung bằng ván, mặt trước đóng mở bằng hai cánh cửa kiểu bàn khoa, xung quanh viền riềm trang trí rồng, phượng, hoa cúc, hoa sen, phía trên là một chiếc tàn che, đỡ thân kiệu, được tạo dáng giống như chiếc lá đề. Phần bệ kiệu làm kiểu chân quỳ, chia các ô chạm nổi tứ linh, tứ quý. Đòn kiệu dài, ở phía đầu và đuôi chạm nổi đầu rồng.

Không gian phía sau được chia làm hai phần: phía trước bài trí một con ngựa gỗ màu hồng. Đây là phương tiện của các thần sử dụng khi còn sống để đánh giặc, khi chết trở về âm phủ giúp nước, cứu dân. Phía sau đặt một tượng

nô ti bằng gỗ cao 1,4m. Tượng được thể hiện toàn thân, mặt tròn, tai dài, miệng rộng, trên đầu có hai chỏm tóc. Phần thân phía trên ở trần, thân dưới mặc váy, đang ở trong tư thế uốn bụng, quỳ gối, chấp tay thi lễ. Đây là vị nô ti được tạc theo phong cách dân gian nên khá sinh động.

Gian bên phải: ở gần bờ tường, chính giữa đặt một hương án cổ, sơn son thiếp vàng. Mặt ngoài chia các ô, đồ, chạm nổi long, ly, quy, phượng, sen, trúc, cúc, mai. Không gian phía sau bài trí ngựa gỗ màu trắng và một nô ti có kiểu dáng, chất liệu giống gian bên trái. Dưới đường hạ treo một chiếc giá trổng da to. Phân cách giữa hai gian thờ là 2 giá đỡ, bày các loại vũ khí bằng gỗ như gươm, đao, giáo, mác, chùy mâu... thứ vũ khí tượng trưng của vị thần thường dùng trong chiến trận, hoặc hiển linh khi trở về cõi trần giúp con cháu...

Gian giữa: Gian giữa của nhà Bái đường là nơi dùng chân đặt lễ, thấp hương của nhân dân, du khách, được bài trí nhiều loại đồ thờ có chất liệu bằng gỗ, sành, sứ... cổ, quý. Một chiếc hương án cổ sơn son thiếp vàng, chạm khắc rồng, phượng, hoa lá. Trên hương án bày mâm chè, đài, trản, lọ hoa, nậm rượu, chén sứ..., phục vụ cho nhu cầu cúng, lễ.

5. Sân trong:

Từ nhà Bái đường muốn vào thăm nhà Thượng điện phải đi qua một khoảng sân nhỏ, đó là sân trong. Mặt sân trong thấp hơn nền nhà Bái đường 10cm. Sân này được lát gạch vuông màu đỏ khá sạch sẽ. Giữa sân đặt một bể nước hình chữ nhật, hai bên có các chậu hoa mẫu đơn, hoa mười giờ.

6. Nhà Tả vu, Hữu vu:

Nhà Tả vu của đền Cả nằm ở sân trong, sau nhà Bái đường. Kiến trúc đơn giản, có có hai gian. Tổng diện tích xây dựng 6,04m², dài 2,56m, rộng 2,36m, vì kèo ở giữa làm bằng gỗ hình tam giác, phía sau gác lên bờ tường, phía trước được chống bằng cột gỗ. Nhà Tả vu có hai mái, lợp ngói âm dương, mặt trước thông ra sân, qua cửa hình vòm cuốn. Nội thất nhà Tả vu đặt một bàn thờ nhỏ, phía trên có lư hương và chén đựng nước. Mặt tường phía sau trang trí hai vệ sĩ đứng cầm gươm, hộ giá các thần. Các vị này đầu đội mũ, mặt tròn, tai dài, mắt xếch, thân vận y phục, chân đi hia, khá oai nghiêm.

Nhà Hữu vu có diện tích xây dựng, kiểu dáng kiến trúc, bài trí đồ thờ gần giống như nhà Tả vu.



Sau những lần trùng tu, tôn tạo, đền Cả dường như vẫn lưu giữ được vẻ đẹp kiến trúc cổ kính nguyên sơ. Trong ảnh: Nhà hạ điện của đền Cả

7. Nhà thượng điện:

Nhà Thượng điện là kiến trúc cổ, quý bậc nhất của đền Cả. Công trình này có tổng diện tích xây dựng: 51,14m² với chiều dài 9,1m, chiều rộng 5,62. Nhà Thượng điện đặt dọc, thấp và nhỏ hơn nhà Bái đường. Đây là công trình kiến trúc cổ. Căn cứ vào dòng chữ Hán ghi ở mảng ván đặt trên xà “Bảo Đại bát niên thu Quý Dậu”, “Đồng xã trùng tu” và theo lời kể các cụ già địa phương, công trình này được khởi công tôn tạo vào năm 1923, dưới triều vua Bảo Đại. Do lụt bão, chiến tranh nên nhà thượng điện được sửa chữa nhiều lần. Mái nhà lợp bằng ngói vảy, kiểu âm dương bờ nóc chạy thẳng được trang trí hình tượng rồng châu mặt nguyệt, bờ giải gấp khúc, ở góc mái trang trí hình mũi đao, nền nhà thượng điện lát gạch vuông màu đỏ sẫm. Để tạo cho ngôi nhà được bền vững trước gió bão, vừa kín đáo vừa linh thiêng ba phía Bắc, Tây, Đông xây bằng tường gạch, móng đá, vôi vữa. Mặt trước được nổi rộng bằng một vì nách, đóng mở bằng hệ thống cửa ván. Do khung cửa dày, vật liệu làm bằng gỗ lim, đôi được đặt trong hệ thống địa thu, bão, ngưỡng nên ngôi nhà trở nên khá kín đáo. Bộ khung của nhà thượng điện làm bằng gỗ lim, kết cấu theo kiểu nhà tiền trụ truyền thống. Nhà này có 3 gian 2 hồi được nối rộng ở hai đầu nên dài giống như một ngôi nhà 4 gian, các chi tiết gỗ chính sử dụng làm khung nhà gồm có 8 cột cái, 6 cột con, 12 xà, 16 hạ, 36 phủ đầu, 6 lá mái, 3 thượng ốc. Nhìn chung, bộ khung nhà Thượng điện có chạm khắc, trang trí đơn giản ở các đầu kê, đầu xà. Mảng chạm đẹp và gây ấn tượng nhất là mảng ván, chạm nổi, sơn hình tượng rồng, phượng ở vì thứ 3. Đây là công trình kiến trúc cổ, quý,

đang lưu giữ nhiều loại đồ thờ có chất liệu bằng gỗ, gốm, giấy cần được bảo vệ, phát huy.

Tiếp giáp với mảng tường trang trí vẽ sĩ là phía trước của nhà Thượng Điện. Là hai trụ tường được trang trí câu đối nói về sự oai phong, linh thiêng của những vị thần được thờ.

***Bài trí nội thất:**

Nội thất nhà Thượng điện là nơi linh thiêng bày, đặt nhiều loại đồ thờ quý giá được làm các vật liệu như bằng gỗ, đồng, sứ, vải, giấy... có giá trị rất cao về lịch sử, mỹ thuật.

Gian ngoài: Là phần chái nổi thêm, được bài trí kê bàn thờ, hương án. Hương án phía trước làm bằng gỗ mộc, phía trên có lư hương bằng đồng, mâm chè, cọc nến, chén sứ, đài trản. Bàn thờ phía sau cao hơn, mặt ngoài được sơn son, phía trên đặt hai lọ hoa, một giá gỗ. Vị trí trang trọng ở giữa đặt tượng, thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Tượng thờ làm bằng thạch cao, nhũ vàng, rất trang trọng.

Gian giữa - gian trong: bài trí 2 bàn thờ rộng. Bàn thờ phía trước ở giữa bày 01 lư hương gốm, mâm chè, đài, trản, nậm rượu, chén sứ ... 2 bên đặt 2 long ngai, sơn son thiếp vàng. Long ngai bên trái thờ Ủy Minh Vương Lý Nhật Quang. Trong số các long ngai thờ thần, long ngai thờ Cao Sơn Cao Các tương đối to, được sơn son thiếp vàng, chạm khắc tuyệt đẹp. Chân ngai tạc kiểu chân quỳ, mặt ván bao quanh trang trí Long, Ly, Quy, Phượng, Sen, Trúc, Cúc, Mai. Thân ngai mô phỏng dáng người ngồi, tay ngai bằng gỗ uốn cong được cách điệu bằng 2 đầu rồng. Nâng đỡ tay ngai là những con tiện tròn chạm rồng. Ở phía trên đầu ngai mô phỏng đầu người cách điệu bằng một mặt nguyệt tròn được viền các tia hào quang. Long ngai không chỉ là đồ thờ tượng trưng cho uy linh của các vị thành hoàng đã có công bảo quốc hộ dân mà là các tác phẩm có giá trị về lịch sử cổ vật và mỹ thuật. Theo các cụ cao niên trong làng, các long ngai được làm từ thời Hậu Lê hoặc thời Nguyễn.

Do nhà thượng điện đặt dọc nên phần chái nổi rộng 2 bên được coi như các gian phụ làm nơi bố trí nhiều đồ thờ khác nhau.

Gian bên trái: Phía ngoài và phía trong đều bài trí các bàn thờ nhỏ. Phía trên bàn thờ bày lư hương, chén đựng nước, cọc nến, kiếm thờ và 6 long ngai sơn son thiếp vàng. Đây là long ngai thờ một số vị tổ của dòng họ Phan, họ Nguyễn có công với làng Trảng Thành, được rước từ nhà thờ họ về phối thờ ở đền Cả

Gian phụ bên phải: Cũng có 4 hương án bằng gỗ sơn son, trên các hương án bày lư hương, chén sứ, cọc nến, long ngai thờ thần gần giống như cách bày trí đồ thờ ở gian bên trái. Chỉ khác là long ngai thờ thần bản thổ ở đây có kích thước to, chạm khắc đẹp hơn.

Đền Cả thờ Cao sơn Cao, Bạch Y công chúa, Uy Minh Vương Lý Nhật Quang, Phan Cảnh Quang và một số danh tướng, danh thần có công đánh giặc, lập làng, xây dựng quê hương đất nước. Các công trình kiến trúc đẹp như nhà ca vù, Bái đường, Thượng Điện, kết cấu vững chắc, chạm khắc đẹp. Nơi lưu giữ nhiều đồ thờ, cổ vật quý như: sắc phong, đại tự, câu đối, long ngai, kiệu rồng,

hương án, hạc gỗ, cọc nền, lư hương... rất có giá trị về lịch sử, văn hoá. Đền thờ là nơi hội tụ, sinh hoạt văn hoá của nhân dân hướng về cội nguồn, cần được xếp hạng, bảo vệ và phát huy.

VII – SƠ ĐỒ PHÂN BỐ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA THUỘC DI TÍCH

1. Sơ đồ phân bố hiện vật ở đền: Sân vườn, nhà Ca vũ, nhà Bái đường, Tả vu, Hữu vu, Thượng điện (xem ở bản vẽ).

2. Thống kê hiện vật:

Trước đây ở Đền Cả có nhiều đồ thờ. Do các biến động về thời gian, về lịch sử, hiện nay ở đây chỉ còn lại 6 công trình kiến trúc cổ là Tam quan, Nhà Ca vũ, Tả vu, Hữu vu, Bái đường và Thượng điện, có 99 hiện vật, đồ thờ khác nhau làm bằng các chất liệu gỗ, đồng, gốm sứ, giấy vải... (Xem bản thống kê hiện vật ở di tích Đền Cả)

TT	Hiện vật	Chất liệu	Niên đại	Ghi chú
1.	Nhà Ca vũ	Gỗ, gạch, ngói, vôi vữa	Thời Hậu Lê	
2.	Tượng voi	Đá	Thời Nguyễn	
3.	Tượng voi	Đá	Thời Nguyễn	
4.	Phỗng	Đá	Thời Hậu Lê	
5.	Lư hương	Đá	Mới	
6.	Bia đá	Đá	Thời Hậu Lê	
7.	Nhà Bái đường	Gỗ, gạch, ngói, vôi vữa	Thời Hậu Lê và thời Nguyễn	
8.	Hương án	Gỗ	Thời Hậu Lê	
9.	Tượng nô tài	Gỗ	Thời Hậu Lê	
10.	Án thờ đặt tượng nô tài	Gỗ	Thời Hậu Lê	
11.	Ngựa nâu	Gỗ	Thời Hậu Lê	
12.	Bệ gỗ đặt ngựa	Gỗ	Thời Nguyễn	
13.	Mâm chè	Gỗ	Thời Hậu Lê	
14.	Trần gỗ	Gỗ	Thời Hậu Lê	
15.	Lư hương	Đồng	Mới	
16.	Kiệu rồng	Gỗ	Thời Hậu Lê	
17.	Hương án	Gỗ	Thời Hậu Lê	
18.	Ngựa bạch	Gỗ	Thời Hậu Lê	
19.	Bệ đặt ngựa	Gỗ	Thời Hậu Lê	
20.	Tượng nô tài	Gỗ	Thời Hậu Lê	
21.	Trống to	Gỗ, da bò	Mới	
22.	Án thờ	Gỗ	Thời Hậu Lê	
23.	Mâm chè	Gỗ		
24.	Trống nhỏ	Gỗ, da bò	Mới	
25.	Nhà tả vu	Gỗ, gạch, ngói, vôi	Thời Nguyễn	

		vữa		
26.	Bát hương	Gốm sứ	Mới	
27.	Nhà Hữu vu	Gỗ, gạch, ngói, vôi vữa	Thời Nguyễn	
28.	Bàn thờ	Gỗ	Mới	
29.	Nhà Thượng điện	Gỗ, gạch, ngói, vôi vữa	Thời Hậu Lê và thời Nguyễn	
30.	Hương án	Gỗ	Thời Hậu Lê	
31.	Bàn thờ	Gỗ	Mới	
32.	Lư hương	Đồng	Mới	
33.	Mâm chè	Gỗ	Thời Nguyễn	
34.	Đài trản	Gỗ	Thời Nguyễn	
35.	Mâm cỗ bông	Gỗ	Thời Nguyễn	
36.	Hương án	Gỗ	Thời Nguyễn	
37.	Bát hương	Gốm, sứ	Mới	
38.	Mâm chè	Gỗ	Thời Nguyễn	
39.	Tượng Bác Hồ	Thạch cao	Mới	
40.	Tráp	Gỗ	Thời Hậu Lê	
41.	Tráp	Gỗ	Thời Hậu Lê	
42.	Mâm chè	Gỗ	Thời Nguyễn	
43.	Giá chúc văn	Gỗ	Mới	
44.	Hương án	Gỗ	Thời Hậu Lê	
45.	Hương án	Gỗ	Thời Nguyễn	
46.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
47.	Mộc chủ	Gỗ	Thời Nguyễn	
48.	Giường thờ	Gỗ	Thời Nguyễn	
49.	Long ngai	Gỗ	Mới	
50.	Lư hương	Gỗ	Thời Nguyễn	
51.	Long ngai	Gỗ	Mới	
52.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
53.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
54.	Hương án	Gỗ	Thời Nguyễn	
55.	Mộc chủ	Gỗ	Thời Nguyễn	
56.	Nhà Thượng điện	Gỗ, gạch, ngói, vôi vữa	Thời Hậu Lê và thời Nguyễn	
57.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
58.	Hương án	Gỗ	Thời Nguyễn	
59.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
60.	Long ngai	Gỗ	Mới	
61.	Hương án	Gỗ	Thời Nguyễn	
62.	Long ngai	Gỗ	Mới	

63.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
64.	Bàn thờ	Gỗ	Thời Nguyễn	
65.	Lư hương		Thời Nguyễn	
66.	Mâm chè	Gỗ	Thời Nguyễn	
67.	Mộc chủ	Gỗ	Thời Nguyễn	
68.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
69.	Mũ thờ	Gỗ	Thời Hậu Lê	
70.	Kiểm	Gỗ	Thời Nguyễn	
71.	Giường thờ	Gỗ	Thời Nguyễn	
72.	Long ngai	Gỗ	Mới	
73.	Lư hương	Gỗ	Thời Nguyễn	
74.	Hộp đựng sách	Gỗ	Thời Nguyễn	
75.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
76.	Kiểm	Gỗ	Thời Nguyễn	
77.	Kiểm	Gỗ	Thời Nguyễn	
78.	Mũ thờ	Vải, kim loại	Thời Nguyễn	
79.	Hương án	Gỗ	Thời Hậu Lê	
80.	Lư hương	Gỗ	Thời Nguyễn	
81.	Cọc nén	Gỗ	Mới	
82.	Cọc nén	Gỗ	Mới	
83.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
84.	Mũ thờ	vải	Thời Hậu Lê	
85.	Đai đao	Gỗ	Thời Nguyễn	
86.	Đai đao	Gỗ	Thời Nguyễn	
87.	Biển gỗ	Gỗ	Thời Nguyễn	
88.	Biển gỗ	Gỗ	Thời Nguyễn	
89.	Yên thư	Gỗ	Thời Nguyễn	
90.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
91.	Kiểm	Gỗ	Mới	
92.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
93.	Yên thư	Gỗ	Thời Nguyễn	
94.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
95.	Mũ thờ	Vải, kim loại	Thời Hậu Lê	
96.	Lư hương	Gỗ	Thời Nguyễn	
97.	Long ngai	Gỗ	Thời Nguyễn	
98.	Mũ thờ	Vải, kim loại	Thời Hậu Lê	
99.	Sắc phong	Giấy	Thời Lê	
100.	Sắc phong	Giấy	Thời Tây Sơn	
101.	Sắc phong	Giấy	Thời Nguyễn	
102.	Sắc phong	Giấy	Thời Nguyễn	

VIII – GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA, KHOA HỌC, THẨM MỸ

Đền Cả là công trình kiến trúc cổ rất có giá trị về lịch sử, văn hoá, kiến trúc, nghệ thuật.

1. Về giá trị lịch sử:

a. Đền Cả được xây dựng dưới thời phong kiến để thờ các anh hùng, danh nhân có công với đất nước như:

- Cao Sơn: Quê ở Trung Quốc, làm Phó sứ An Nam, người có công giúp dân phát triển nông nghiệp và xây dựng mối hoà hiếu giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- Cao Các: Vị tướng có công đánh giặc, khai hoang lập làng ở thời Đinh.

- Lý Nhật Quang: Người có công đánh giặc, phát triển kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá ở Nghệ An thời Lý.

- Bạch Y công chúa: Con gái Hồ Quý Ly, vị phúc thần yêu nước, thương dân ở thời Hậu Trần.

- Phan Cảnh Quang: Người có công đánh giặc, an dân ở thời Hậu Lê.

Và các vị quan khác của làng.

b. Đền Cả là nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh, gắn với nhiều sự kiện lịch sử của địa phương:

Đền Cả là nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân Hoa Thành từ xưa đến nay. Vào các ngày sóc, vọng, ngày thường, du khách và nhân dân thường đến dâng lễ, thắp hương tưởng nhớ những người có công, cầu phúc, cầu tài, cầu lộc. Lễ hội Đền Cả được tổ chức vào ngày 16 tháng Giêng âm lịch, ở các năm Tỵ, Ngọ, Mão, Dậu thì tổ chức lễ hội lớn. Phần lễ có các nội dung như yết cáo, khai quang, mộc dục, rước, tế trang trọng và linh thiêng. Phần hội có các trò chơi như đấu vật, chọi gà, chọi đu, đánh cờ, hát tuồng, hát ví, thu hút được hàng vạn nhân dân và du khách thập phương về dự.

Đền Cả là địa điểm gặp gỡ, liên lạc, cất giữ lương thực, tập luyện võ thuật, ém quân của nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhã chuẩn bị, tấn công giặc Pháp ở Đình Bảo Lâm trong phong trào Cần Vương ở cuối thế kỷ XIX. Những năm 1930 – 1931, 1945, đền Cả là cơ sở bí mật và công khai của Đảng để tuyên truyền tổ chức đấu tranh giành chính quyền; trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đền Cả tiếp tục được sử dụng làm nơi hội họp, luyện tập của bộ đội dân quân.

2. Về giá trị văn hoá:

a. Đền thờ được xây dựng ở vùng đất nổi tiếng về phong thủy, địa lý:

Đền Cả được xây dựng ở vùng đất cao, đẹp của làng Trảng Thành ngày xưa, trước mặt là ao hồ, đồng ruộng, thoáng đãng, sau lưng và bên tả là làng mạc sầm uất, nơi Hoàng tử Lê Long Toàn đã chọn để xây dựng dinh cơ, thành lũy vào thời Tiền Lê. Ở đây có sông Dinh, làng cổ, đình Bảo Lâm, chùa Bảo Lâm, nhà Thánh... là những công trình đẹp, linh thiêng. Vùng đất cát trạch, nổi tiếng về phong thổ, địa lý đã sản sinh, nuôi dưỡng nhiều anh hùng, danh nhân như Phan Tất Thông, Phan Đăng Lưu, ...

b. Công trình, cảnh quan đẹp và hài hoà:

Đền thờ có khuôn viên rộng, nhiều cây xanh. Nơi xây dựng và tồn tại các kiến trúc đẹp, nổi tiếng của Yên Thành và xứ Nghệ.

Tam quan của đền kiến trúc theo lối cổ, kết cấu vững chắc, trang trí câu đối, con nghê, giống với mô típ của các đền miếu ở Nghệ An.

Nhà Ca vũ là nơi dừng chân của quan viên, chức sắc, du khách trước khi làm lễ. Công trình có kiểu dáng đẹp như một Khuê Văn Các ở Văn Miếu Quốc tử giám Hà Nội. Các đề tài chạm khắc trên kiến trúc gỗ, trang trí ở mái nhà, thể hiện khá sinh động.

Nhà Bái đường là nơi tổ chức tế thánh, dâng lễ, cầu phúc, cầu lộc, cầu tài, có kiểu dáng, phong cách của kiến trúc cổ ở xứ Nghệ, bộ khung làm bằng gỗ lim, kĩ thuật và kết cấu khá bền vững. Kiểu nhà tiền trụ, làm cho không gian ở nội thất được thoáng, rộng. Nhà Bái đường có nhiều chi tiết chạm nổi vân mây, dây hoa ở các đầu kẻ, đầu xà tạo ra sự hài hoà giữa kiến trúc và các đồ thờ ở một công trình tượng niệm. Hình tượng lưỡng long triều nguyệt trang trí ở bờ nóc mềm mại, uyển chuyển đã gây được ấn tượng đẹp của một công trình kiến trúc lối cổ. Các hiện vật, tượng thờ bài trí ở vị trí phù hợp đã làm cho không gian tượng niệm thêm phần linh thiêng.

Nhà Thượng điện xây dựng vào thời Hậu Lê, tu sửa vào thời Nguyễn, nơi bài trí nhiều hiện vật thờ thần. Công trình này được đặt dọc để tạo chiều sâu về không gian tâm linh. Khung nhà làm bằng lim khá vững chắc. Kết cấu vì tạo dáng theo mô típ thượng chông rường đầu, hạ giá chiêng kẻ chuyền, không chỉ làm cho công trình bền vững mà còn có giá trị tiếp nối, sáng tạo giữa phong cách kiến trúc ở miền Bắc (chông rường đầu) với kiến trúc tiền trụ, tứ trụ mang đặc trưng của kiến trúc xứ Nghệ. Hình tượng chim phượng bay lượn giữa các vân mây, rồng thiêng vươn mình chạm trên ván nong của bộ vì không chỉ thể hiện uy quyền của thần linh, sự cân bằng âm dương mà còn phản ánh tư duy và tài năng tuyệt vời của người dân xứ Nghệ về nghề mộc.

c. Nghệ thuật đắp vữa, chạm khắc, sơn thiếp rất tinh xảo:

Ở đền Cả, các đề tài trang trí điêu khắc rất phong phú, thể hiện ở nhiều vị trí khác nhau. Hình tượng rồng, phượng có kích thước to, được đắp nổi ở nóc mái, bờ dải. Con rồng cần sứ, uốn lưng, vươn đầu, hướng vào mặt nguyệt. Con nghê mộc mạc, bám chân vào bờ dải ở gần mái ngói mũi hài lợp đều như những lớp sóng lô xô giữa trời mây. Du khách dừng chân trước cửa đền đều có ấn tượng về nghệ thuật trang trí tài hoa của các thợ “ngoã”.



Mái vồng gác cong hình lưỡi rìu với những tạo hình mang nghệ thuật truyền thống trong tín ngưỡng của người Việt.



Đã trải qua 500 năm nhưng hệ thống cột, kèo, vì của ngôi đền vẫn giữ được nét chạm trổ tinh tế

Đề tài rồng, phượng, cỏ cây, hoa lá có đường nét chạm khắc tinh xảo, tập trung nhiều ở các bộ phận xà, hạ của khung nhà. ở đây, hình tượng rồng, phượng tương đối lớn, bố trí ở xà chính. Các con vật khác nhỏ hơn thường được thể hiện ở các đầu kèo. Cũng là hình tượng con rồng thường được trang trí ở các đỉnh, đền nhưng ở đền Cả, con rồng được bố cục, chạm khắc hết sức sinh động. Đôi rồng chạm nổi ở xà chính, gian giữa được thể hiện trong tư thế “*lưỡng long châu nguyệt*”. Thân rồng chia làm ba khúc, ẩn hiện trong vân mây. Cách diễn tả này gợi cho ta thấy được con vật đứng đầu trong bộ tứ linh thường thấy trong mô típ kiến trúc đền miếu của người Việt đã gần 1000 năm. Hình tượng chim Phượng cũng được bố trí chạm khắc khá nhiều ở xà nhà, ván mê, đầu kèo. Dấu ấn về loài chim quý tượng trưng cho khát vọng bay cao, vươn xa của con người được thể hiện trong tư thế “*phượng hàm thư*”, rồng phượng vờn nhau như đôi uyên ương hạnh phúc, khi âm dương giao hoà, đất nước và con người sẽ có sự

thịnh vượng và phát triển. So với rồng và chim phượng, hình tượng con ly và con rùa được trang trí ít hơn nhưng chúng để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng sâu sắc. Thân ly chạm nổi hình con ngựa đang cõng bát quái. Đầu ly là một đầu ngựa hoá rồng, có bờm xoắn ngược kiểu vân mây; hai chiếc sừng nhọn cùng với khuôn mặt dữ tợn đang càn lướt trong gió bão. Khác với hình tượng rồng, phượng, ly được chạm khắc trong tư thế sinh động. Con rùa được thể hiện dưới các nét chạm đơn giản nhưng tinh tế. Con vật chặm chạp, kín đáo thường bơi hoặc ẩn mình dưới lá sen.

d. Đền Cả là nơi lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị về lịch sử, khoa học, mỹ thuật:

Đền Cả là nơi tập trung nhiều cổ vật được chạm khắc tinh xảo, phản ánh tài năng của các nghệ nhân dân gian xứ Nghệ trong việc sáng tạo ra các đồ thờ để tôn vinh những người có công. Tiêu biểu cho các đồ thờ đang lưu giữ ở đền Cả là các hiện vật như hương án, kiệu rồng, long ngai thờ thần. Hương án làm bằng gỗ, mặt ngoài được chia thành các ô, đồ, chạm nổi, chạm lõng hình tượng long, ly, quy, phượng, tùng, trúc, cúc, mai hết sức sinh động. Long ngai thờ thần mô phỏng kiểu dáng của người ngồi, phía ngoài được trang trí đầu rồng, chim phượng, vân mây..., phía trong viết chữ Hán về duệ hiệu của các vị thần được thờ. Các loại đồ thờ bài trí ở nhà Thượng điện phần lớn đều được chạm khắc, sơn thiếp tuyệt đẹp. Khi cúng tế, dưới ánh sáng của đèn, nến, các loại đồ thờ được sơn thiếp trở nên lung linh, góp phần làm cho không gian tưởng niệm thêm trang trọng, linh thiêng.



diễn ra tung bừng trong lễ hội, chúng ta có thêm những tư liệu quý về phong tục thờ thần và truyền thống sinh hoạt văn hoá tâm linh ở địa phương.

Đền Cả là công trình kiến trúc cổ, quý thờ các anh hùng, danh nhân có công, là những di sản quý, cần được bảo vệ và phát huy.

IX- THỰC TRẠNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

Đền Cả được xây dựng vào thời Hậu Lê mở rộng quy mô vào thời Nguyễn (năm 1941 và năm 1923). Trước đây, diện tích tổng thể của khu đền rộng khoảng 5 hecta, có các công trình như Tam quan, sân vườn, nhà gà, nhà Ca vũ, nhà Bái đường, nhà Thượng điện, Tả vu, Hữu vu. Do tác động của thời gian, thời tiết và con người nên di tích đã có nhiều phần thay đổi về kiến trúc và cảnh quan. Nhà gà đã bị hư hỏng hoàn toàn, nhà Tả vu, Hữu vu, Bái đường, Thượng điện đã được sửa chữa nhiều lần. Một phần diện tích kddaats của Đền ở bên tả, bên hữu đã được chính quyền địa phương chia cắt cho dân làm nhà ở. Năm 2001, UBND xã Hoa Thành đã cho mở rộng thêm đất ở phía trước để làm sân lễ hội.

Hiện nay cảnh quan và kiến trúc của đền tương đối sạch sẽ, khang trang.

X- PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

Hiện nay Đền Cả đang được UBND huyện Yên Thành giao cho UBND xã Hoa Thành trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy. Ở đền đã có một tổ bảo vệ di tích hoạt động theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của UBND xã Hoa Thành.

Để giữ gìn và phát huy tốt di tích, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, cách mạng cho nhân dân, trong thời gian tới, công tác bảo vệ và sử dụng di tích nên thực hiện theo các định hướng sau:

**Về công tác bảo vệ:*

- Hồ sơ di tích đền Cả đã được lập, trình, đề nghị Bộ VH-TT-DL sớm có quy định công nhận là di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia để tạo cơ sở cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích trước mắt và lâu dài.

- Vùng đất của di tích đã được khoanh vùng bảo vệ, trong thời gian tới UBND xã Hoa Thành cần thực hiện việc cắm mốc, lập thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở di tích;

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung giá trị, phạm vi bảo vệ của di tích Đền Cả để phục vụ khách tham quan và ngăn ngừa hiện tượng xâm hại di tích;

- Củng cố lại tổ bảo vệ di tích để nâng cao hiệu quả phục vụ ở đền;

- Những hư hỏng nhỏ ở di tích do địa phương sửa chữa, xử lý đảm bảo trên cơ sở đảm bảo tính nguyên gốc của di tích;

- Khi di tích bị hư hỏng hoặc bị xâm hại lớn, tổ bảo vệ phải báo cáo ngay với chính quyền địa phương, cấp trên để được hướng dẫn và làm các thủ tục bảo tồn tôn tạo theo đúng quy định.

- Ban quản lý di tích danh thắng tỉnh Nghệ An cần có sự hướng dẫn, tập huấn về nghiệp vụ, công tác quản lý để giúp tổ bảo vệ di tích xây dựng, thực hiện các phương án bảo vệ di tích, phòng chống sự hủy hoại của thiên tai, con người.

** Về phương án sử dụng di tích:*

- Ở đền cần có bảng dẫn tích và nội quy bảo vệ, hướng dẫn tham quan.
- Hàng ngày, đền thờ được mở cửa phục vụ khách tham quan, du lịch.
- Có bài viết giới thiệu về vị trí, quy mô, nội dung giá trị của đền thờ.
- Đưa di tích Đền Cả vào danh mục di tích danh thắng ở tuyến du lịch Vinh – Yên Thành để thu hút khách đến tham quan.
- Làm tốt công tác bảo quản, vệ sinh môi trường ở di tích.
- Cán bộ địa phương, những người làm công tác bảo vệ phải nắm vững nguồn gốc, nội dung, giá trị của di tích, những nguyên tắc cơ bản của luật Di sản Văn hoá để hướng dẫn phục vụ khách tham quan.
- Tiếp tục vận động nhân dân, du khách đóng góp công sức, kinh phí để nghiên cứu, bảo vệ, phát huy di tích.
- Khi có điều kiện cần đầu tư kinh phí để nghiên cứu, xuất bản sách, ấn phẩm (băng, đĩa hình...) về đền Cả để tuyên truyền giới thiệu về di tích; đồng thời nghiên cứu, chọn lọc phục hồi lại các sinh hoạt văn hóa tiêu biểu ở Đền Cả, đáp ứng kịp thời nhu cầu tìm hiểu về lịch sử, truyền thống và đời sống văn hóa tâm linh của nhân dân.

XI – KẾT LUẬN

Đền Cả là di tích cổ, quý có kiến trúc cảnh quan đẹp, lưu giữ nhiều cổ vật có giá trị về lịch sử, mỹ thuật. Đền là nơi thờ các vị phúc thần có công bảo quốc hộ dân, gắn với nhiều sự kiện lịch sử, sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân đã hàng trăm năm. Đồng thời là di tích có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ và giáo dục truyền thống, tham quan du lịch ở Nghệ An.

Vì vậy, UBND tỉnh Nghệ An đã cho lập hồ sơ di tích để trình Bộ VHTTDL xếp hạng Đền Cả là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

XII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Tài liệu tham khảo

- 1- Lịch sử Việt Nam - Tập I - NXB Hà nội 1976.
- 2 - Lịch sử Nghệ Tĩnh - NXB Nghệ Tĩnh - 1984.
- 3 - Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam - NXB Hà Nội 1976.
- 4 - Biên niên lịch sử Cổ đại Việt Nam - NXB KHXH Hà Nội 1984.
- 5 - Đại Việt sử ký toàn thư - NXB KHXH - Hà nội 1976.
- 6 - Nghệ An ký - Bùi Dương Lịch.

- 7 - Nghệ Tĩnh hôm qua và hôm nay - NXB sự thật Hà nội 1986.
- 8 - Từ điển nhân vật lịch sử Việt nam - NXB KHXH Hà Nội 1992.
- 9 - Danh nhân lịch sử Việt Nam -Trương Hữu Quýnh -Phan Đại Doãn - NXBGD 1987.
- 10 - Danh nhân Nghệ Tĩnh - NXB Nghệ Tĩnh 1980.
- 11 - Du lịch Nghệ Tĩnh - NXB Nghệ Tĩnh 1992.
- 12 - Mùa xuân và phong tục Việt Nam - Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ - NXB Văn hoá 1976.
- 13 - Sổ tay Văn hoá Việt Nam – Trương Chính - Đặng Đức Siêu - NXB Văn hoá HN.
- 14 - Đạo mẫu Việt Nam - Ngô Đức Thịnh
- 15 - Cơ sở Văn hoá Việt nam - Trần Ngọc Thêm - NXB giáo dục 1998.
- 16 - Thần tích và khoa giáp ở Tỉnh Nghệ An – Lê Văn Thị dịch, tài liệu chép tay lưu tại Bảo tàng Nghệ An.
- 17 - Diển châu - Địa chí văn hoá làng xã - Ninh Viết Giao và Trần Hữu Thung chủ biên- NXB Nghệ An 1995.
- 18 - Tục thờ thần và Thần tích Nghệ An- Ninh Viết Giao-Sở VH TT Nghệ An - Vinh 2000.
- 19 - Hệ ý thức phong kiến – Trần Văn Giàu – NXBKHXH 1973.
- 20 - Pháp lệnh bảo vệ, sử dụng di tích lịch sử – văn hoá và danh lam –thắng cảnh của nước CHXHCN Việt Nam ban hành năm 1984.
- 21 - Luật Di sản Văn hoá của nước CHXHCN Việt Nam, ban hành năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá ban hành năm 2009.
- 22 - Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An về việc “Phân cấp quản lý di tích – danh thắng trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 1997 và năm 2011”.
- 23 - Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Lý Nhật Quang, Trung tâm KHXH và Nhân văn quốc gia, Viện sử học, UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Đô Lương, NXB Nghệ An, năm 2010.
- 24 - Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Thành, NXB Chính trị Quốc gia, năm 2010.
- 25 - Lịch sử Đảng bộ xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.
- 26 - Ngô Đức Tiến, Địa chí lịch sử văn hóa xã Hoa Thành, NXB Nghệ An, năm 2010.

2) Tư liệu bổ sung.

1- Tộc phả họ Phan Quận Công, xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An biên soạn ở thế kỷ XVIII, được sao lại năm 1927, hiện lưu ở nhà thờ họ Phan Quận công, xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

2 - Trích một số trang tư liệu viết về Cáo Sơn, Cao Các, Bạch Y Công chúa, Lý Nhật Quang trong sách Tục thờ thần – thần tích Nghệ An, NXB Nghệ An năm 2000.

3 - Bản phiên âm và dịch nghĩa một số đạo sắc, văn bia của nhà nước phong kiến, phong cho Đền Cả từ thời Hậu Lê đến thời Nguyễn.

4 - Công văn số 108/VSH-LSĐP, ngày 16/11/2011 về việc đánh giá thẩm định sự kiện, nhân vật lịch sử của Viện KHXHVN – Viện sử học.

5 - Công văn số 231-CV/TGTU, ngày 19/11/2011 về việc xác định sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến Đền Cả và Chùa Bảo Lâm của Tỉnh ủy Nghệ An./.